

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI**

Số: 26 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia H'Drai, ngày 01 tháng 9 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kinh phí tiền lương, các khoản theo lương
và chi khác của các đơn vị năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI
KHÓA X, KỲ HỌP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/HU ngày 20/8/2020 của Huyện ủy Ia H'Drai về việc điều chỉnh chỉ tiêu biên chế Cơ quan Tổ chức - Nội vụ và Hội Cựu chiến binh huyện, năm 2020.

Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai khóa X, Kỳ họp thứ 9 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai khóa X, kỳ họp thứ 9 về dự toán thu, chi ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai tại Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 28/8/2020 về việc điều chỉnh kinh phí tiền lương, các khoản theo lương và chi khác của các đơn vị năm 2020; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh 386.006.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu, không trăm lẻ sáu nghìn đồng) kinh phí thực hiện tiền lương, các khoản theo lương và chi khác của các đơn vị năm 2020, cụ thể tại biểu chi tiết kèm theo.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa X, kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 01 tháng 9 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- Thường trực HĐND-UBND các xã;
- Lưu: VT-TH 



PHÓ CHỦ TỊCH


Lương Văn Thám



ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG, CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG VÀ CHI KHÁC CỦA CÁC ĐƠN VỊ NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 01/9/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí tiền lương, chi khác đã cấp	Trong đó		Kinh phí điều chỉnh		Kinh phí điều chỉnh lương sau điều chỉnh	Ghi chú
			Kinh phí cấp đầu năm	Kinh phí điều chỉnh (tăng/giảm)	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
	Tổng cộng	14.039.237.000	14.039.237.000		386.006.000	386.006.000	14.039.237.000	
I	Quản lý hành chính	12.391.574.000	12.391.574.000		381.983.000	327.966.113	12.445.590.887	
1	Văn phòng Huyện ủy	6.345.201.000	6.345.201.000			54.518.000	6.290.683.000	
2	Ủy ban MTTQ huyện	623.708.000	623.708.000		32.830.000		656.538.000	
3	Đoàn Thanh niên	347.100.000	347.100.000				347.100.000	
4	Hội phụ nữ huyện	326.449.000	326.449.000				326.449.000	
5	Hội Nông dân	281.716.000	281.716.000			90.051.523	191.664.477	
6	Hội cựu chiến binh				54.518.000		54.518.000	
7	Văn phòng HĐND - UBND huyện	1.039.842.245	984.339.000	+55.503.245	250.770.000		1.290.612.245	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	672.352.755	727.856.000	-55.503.245		90.652.375	581.700.380	
10	Phòng Kinh tế - hạ tầng	786.888.000	786.888.000		4.990.000		791.878.000	
11	Phòng Nông nghiệp và PTNT	586.496.000	586.496.000		28.630.000		615.126.000	
12	Phòng giáo dục và đào tạo	665.373.000	665.373.000		10.245.000		675.618.000	
13	Phòng Tư Pháp	197.360.000	197.360.000			50.500.000	146.860.000	
14	Phòng Lao động Thương Binh và xã hội	519.088.000	519.088.000			42.244.215	476.843.785	
II	Sự nghiệp văn hóa	579.682.000	579.682.000		4.023.000		583.705.000	
1	Trung tâm Văn hóa thể thao du lịch và truyền thông huyện	579.682.000	579.682.000		4.023.000		583.705.000	
III	Sự nghiệp phát thanh	425.699.000	425.699.000				425.699.000	
1	Trung tâm Văn hóa thể thao du lịch và truyền thông huyện	425.699.000	425.699.000				425.699.000	
III	Sự nghiệp kinh tế	642.282.000	642.282.000			58.039.887	584.242.113	
1	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	642.282.000	642.282.000			58.039.887	584.242.113	

(Signature)